

**BẢN SAO**

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 36

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

**CÔNG TY**

Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông vận tải được thành lập theo Quyết định số 147/2004-TT ngày 13/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2629/QĐ-BGTVT ngày 01/09/2004 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4106000085 ngày 24/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Ngày 03 tháng 6 năm 2010 theo Quyết định số 1569/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty đã đăng ký lại và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên số 0300450289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2010 có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 06 tháng 08 năm 2013.

Vốn điều lệ: 248.034.355.240 đồng.

Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn Nhà nước.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: TRANSPORT INVESTMENT COOPERATION AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED.

Tên viết tắt: TRACIMEXCO.

Trụ sở chính của Công ty tại số 36 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

**HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên	Ông Phạm Trần Khoa	Chủ tịch
	Ông Bùi Nguyên Khánh	Thành viên
	Ông Lê Minh Tuấn	Thành viên
	Ông Lê Quý Nghĩa	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Trung	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này:

Ban Tổng Giám đốc	Ông Bùi Như Lạc	Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Nguyên Khánh	Phó tổng Giám đốc
	Ông Hà Bình Minh	Phó tổng Giám đốc
	Ông Lê Quốc Khánh	Phó tổng Giám đốc
	Ông Phạm Anh Tuấn	Phó tổng Giám đốc

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc,



**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu  
và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, được lập ngày 15 tháng 5 năm 2014, từ trang 5 đến trang 36, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc**

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán, và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2014. Theo ước tính của chúng tôi, dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn cần trích bổ sung với số tiền lần lượt là 6.358.488.488 đồng và 13.110.010.437 đồng. Theo đó, khoản mục “Dự phòng nợ phải thu khó đòi”; “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn” trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 được trình bày thấp hơn với số tiền là 6.358.488.488 đồng và 13.110.010.437 đồng; Và đồng thời trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014, khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp” cũng được trình bày thấp hơn với số tiền 19.468.498.925 đồng.

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014, Công ty đã ghi tăng tài sản cố định là “Dây chuyền sàng đá” đã hoàn thành và đi vào sử dụng từ lâu với số tiền là 12.352.362.434 đồng, nhưng Công ty không thực hiện việc tính khấu hao từ khi tài sản đi vào sử dụng đến thời điểm 31/03/2014. Theo đó, khoản mục “Khấu hao lũy kế” trên bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/03/2014 và chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế” trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 31/03/2014 đang bị ghi nhận thiếu một khoản chi phí khấu hao. Tài sản này đã được đưa vào sử dụng từ năm 1996, tuy nhiên do hạn chế về hồ sơ chứng từ quyết toán nên Công ty chưa ghi nhận tăng tài sản và trích khấu hao. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi cũng chưa có đầy đủ hồ sơ chứng từ kế toán để đánh giá những ảnh hưởng (nếu có) của việc ghi nhận tăng tài sản cố định và chi phí khấu hao lũy kế nêu trên.

### Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Chu Quang Tùng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1022-2013-089-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam**

*Ngày 15 tháng 5 năm 2014*

**Trịnh Quốc Huy**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

2328-2013-089-1

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100) = 110+120+130+140+150	<b>100</b>		<b>96.396.599.235</b>	<b>93.252.860.936</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6.1</b>	<b>20.337.689.631</b>	<b>19.849.679.227</b>
1. Tiền	111		7.337.689.631	4.849.679.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.000.000.000	15.000.000.000
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.184.894.900</b>	<b>53.057.496.308</b>
1. Phải thu khách hàng	131		29.231.896.736	33.863.848.530
2. Trả trước cho người bán	132		3.223.206.825	3.427.762.908
5. Các khoản phải thu khác	135	6.2	33.729.791.339	19.298.199.532
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	(3.532.314.662)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6.3</b>	<b>69.809.534</b>	<b>1.322.774.551</b>
1. Hàng tồn kho	141		69.809.534	1.322.774.551
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.804.205.170</b>	<b>19.022.910.850</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6.4	97.765.649	1.434.213.204
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.893.761.377	8.694.464.063
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	6.5	325.544.076	340.190.790
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	6.6	1.487.134.068	8.554.042.793
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>265.946.144.326</b>	<b>259.041.096.613</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>83.009.117.727</b>	<b>83.309.117.727</b>
4. Phải thu dài hạn khác	218	6.7	83.009.117.727	83.309.117.727
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>73.484.572.188</b>	<b>75.541.815.962</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.8	31.411.619.674	20.844.871.505
- Nguyên giá	222		35.214.226.313	30.053.011.717
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.802.606.639)	(9.208.140.212)
3. Tài sản cố định vô hình	227	6.9	14.639.002.049	14.639.002.049
- Nguyên giá	228		14.674.202.049	14.674.202.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.200.000)	(35.200.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.10	27.433.950.465	40.057.942.408
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>107.959.358.656</b>	<b>96.761.911.142</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.119.528.656	8.031.940.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	6.11	92.388.930.000	88.768.977.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6.12	12.450.900.000	12.864.465.080
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259	6.13	-	(12.903.470.938)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.493.095.755</b>	<b>3.428.251.782</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	6.14	493.095.755	2.226.451.397
3. Tài sản dài hạn khác	268	6.15	1.000.000.000	1.201.800.385
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>362.342.743.561</b>	<b>352.293.957.549</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 01-DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/03/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>205.438.124.030</b>	<b>133.859.675.305</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>169.301.580.194</b>	<b>100.695.086.014</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	6.16	23.609.985.487	24.200.831.938
2. Phải trả người bán	312		25.601.589.578	25.934.133.317
3. Người mua trả tiền trước	313		463.850.424	1.016.948.611
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	6.17	2.280.498.275	2.131.706.801
5. Phải trả người lao động	315		887.875.271	943.454.506
6. Chi phí phải trả	316	6.18	708.387.982	2.152.014.428
9. Các khoản phải trả, nộp khác	319	6.19	115.636.687.837	43.844.712.929
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		112.705.340	471.283.484
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>36.136.543.836</b>	<b>33.164.589.291</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	6.20	15.695.705.168	18.667.859.850
4. Vay và nợ dài hạn	334	6.21	20.440.838.668	13.953.520.528
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	543.208.913
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>156.904.619.531</b>	<b>218.434.282.244</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>6.22</b>	<b>156.904.619.531</b>	<b>218.314.522.952</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		159.486.299.552	159.486.299.552
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		6.390.156.529	6.565.979.570
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(82.100.051.281)	(21.156.781.091)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		4.678.246.988	4.969.057.178
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		68.449.967.743	68.449.967.743
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>119.759.292</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	119.759.292
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (430 = 300+400)	<b>440</b>		<b>362.342.743.561</b>	<b>352.293.957.549</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	TM	31/03/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ			
- Đô la Mỹ (USD)		116.466,35	140.717,95
- Yên Nhật (JPY)		27.773,00	61.108,90

Người lập



Lê Quang Tuấn

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014





**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 02-DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 31/03/2014	đến 31/03/2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.23	2.391.589.129	2.125.101.871
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.23	2.391.589.129	2.125.101.871
4. Giá vốn hàng bán	11	6.24	2.060.847.605	1.653.560.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		330.741.524	471.541.022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.25	21.865.372.292	232.718.498
7. Chi phí tài chính	22	6.26	54.936.695.408	16.430.481
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		54.936.695.408	3.690.000
8. Chi phí bán hàng	24	6.27	-	113.101.816
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.28	3.119.788.534	3.705.437.029
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(35.860.370.126)	(3.130.709.806)
11. Thu nhập khác	31	6.29	4.871.145.099	20.093.250
12. Chi phí khác	32	6.29	31.773.225.062	20.994.529
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.29	(26.902.079.963)	(901.279)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(62.762.450.089)	(3.131.611.085)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(62.762.450.089)	(3.131.611.085)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn



Vũ Hoàng Tùng



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 03-DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
		đến 31/03/2014	đến 31/03/2013
		VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	1.736.280.054	1.066.944.992
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.761.062.510)	(2.657.935.532)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2.676.735.594)	(1.729.060.441)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.232.267.488	6.754.462.935
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.674.680.442)	(5.266.184.707)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(3.143.931.004)</b>	<b>(1.831.772.753)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(25.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	54.430.909	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.146.373.623	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.830.297.024	486.255.435
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>3.631.101.556</b>	<b>460.955.435</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	100.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>100.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>487.170.552</b>	<b>(1.270.817.318)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>19.849.679.227</b>	<b>14.898.459.180</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>839.852</b>	<b>287.236</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>20.337.689.631</b>	<b>13.627.929.098</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Tuấn



Vũ Hoàng Tùng



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông vận tải được thành lập theo Quyết định số 147/2004-TT ngày 13/08/2004 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 2629/QĐ-BGTVT ngày 01/09/2004 của Bộ Giao thông Vận tải và Giấy phép đăng ký kinh doanh lần đầu số 4106000085 ngày 24/11/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 01 năm 2007.

Ngày 03 tháng 6 năm 2010 theo Quyết định số 1569/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quyết định chuyển Công ty mẹ - Công ty Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên. Công ty đã đăng ký lại và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên số 0300450289 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 11 năm 2010 có tên là Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải, thay đổi lần thứ 2 vào ngày 06 tháng 08 năm 2013. Vốn điều lệ: 248.034.355.240 đồng. Vốn pháp định: 6.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn: 100% vốn Nhà nước.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: TRANSPORT INVESTMENT COOPERATION AND IMPORT EXPORT COMPANY LIMITED

Tên viết tắt: TRACIMEXCO

Trụ sở chính của Công ty tại số 36 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lao động tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 78 người (không bao gồm lao động thời vụ).

**Các đơn vị trực thuộc của Công ty:**

- Xí nghiệp Khai thác đá và Xây dựng Công trình Giao thông: Ngưng hoạt động.
- Chi nhánh Tracimexco Cần Thơ: Ngưng hoạt động.
- Vietrancimex: Đã giải thể.
- Văn phòng 61 Hàm Long, Hà Nội: Đã giải thể.
- Chi nhánh Tracimexco Đồng Nai: Đã giải thể.
- Chi nhánh Tracimexco Vũng Tàu: Đã giải thể.
- Chi nhánh Tracimexco Nha Trang: Đã giải thể.
- Chi nhánh Tracimexco Hải Phòng: Đã giải thể.
- Văn phòng đại diện 22 Nguyễn Văn Trỗi: Đã giải thể.
- Ban Quản lý Khai thác tàu: Đã giải thể

**Các Công ty con của Công ty:**

- Trung tâm Hợp tác Lao động với Nước ngoài: Đang hoạt động bình thường. Ngày 03/6/2014, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 2071/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt danh sách thực hiện cổ phần hóa. Theo đó, Trung tâm Hợp tác Lao động với Nước ngoài sẽ được chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên tại thời điểm 31/3/2014 để tiến hành cổ phần hóa vào thời điểm được Bộ Giao thông Vận tải quyết định. Vì vậy trong Báo cáo tài chính tại 31/3/2014 của Công ty mẹ không bao gồm Báo cáo tài chính của Trung tâm Hợp tác Lao động với Nước ngoài.
- Chi nhánh Tracimexco Hà Nội: Chi nhánh Tracimexco Hà Nội sáp nhập vào Trung tâm Hợp tác Lao động với Nước ngoài theo quyết định số 42B/QĐ- HĐTV ngày 10/4/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải về việc sáp nhập nguyên trạng Chi nhánh Tracimexco Hà Nội vào Trung tâm Hợp tác Lao động với Nước ngoài tại thời điểm 0 giờ ngày 31/3/2014 - Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn đầu lọc thuốc lá. Mua bán các chất diệt khuẩn, côn trùng trong gia đình (không sản xuất tại trụ sở và trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn đồ dùng cá nhân và gia đình (trừ dược phẩm);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh kho bãi);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: xây dựng công trình dân dụng, thủy lợi, công trình giao thông bằng vật liệu mới;
- Sản xuất xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe. Chi tiết: sản xuất chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: mua bán xe có động cơ và mô tô, xe máy, phụ tùng cho xe có động cơ;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: mua bán nông, lâm sản nguyên liệu (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: mua bán lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: khai thác đá (đá khối, đá ốp lát, đá tấm, đá mỹ nghệ), (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: dạy nghề ngắn hạn, giáo dục định hướng cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất các chất diệt khuẩn, côn trùng trong gia đình (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất đồ dùng cá nhân và gia đình (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: mua bán vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng (không hoạt động tại trụ sở);
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: vận tải hành khách bằng taxi;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: tư vấn bất động sản;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính – kế toán);
- Điều hành tua du lịch. Chi tiết: kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, các dịch vụ du lịch khác;
- Chuyển phát. Chi tiết: dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện;
- ....

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ: Đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; sản xuất xe có động cơ; bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp đã được ban hành và có hiệu lực, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

**4. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

**Hướng dẫn mới về trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn vào doanh nghiệp**

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 89 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

Ghi nhận ban đầu

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác ngắn và dài hạn, các khoản ký quỹ ký cược ngắn và dài hạn.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ ngắn, dài hạn; phải trả người bán; các khoản phải trả, nộp khác ngắn và dài hạn, chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các thành viên.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b><u>Loại tài sản cố định</u></b>	<b>Năm khấu hao</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 - 08
Tài sản khác	02 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất là lâu dài và không tính khấu hao

***Phần mềm kế toán***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian là năm năm.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09-DN

### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

### Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phân ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

### Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của công ty mẹ vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng quản trị (hoặc đại hội cổ đông) công ty con. Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

### Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**MẪU B 09-DN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản khoản chi phí chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện chờ phân bổ và các khoản chi phí công cụ dụng cụ khác.

Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện chờ phân bổ là khoản đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm 2010 và 2011. Khoản chi phí này được phân bổ vào theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian là từ hai đến bốn năm.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian hai năm.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**Chi phí lãi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.658.679.036	996.579.838
Tiền gửi ngân hàng	5.679.010.595	3.853.099.389
Các khoản tương đương tiền (*)	13.000.000.000	15.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>20.337.689.631</b>	<b>19.849.679.227</b>

(\*) Tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2014, công ty có các khoản tiền gửi có kỳ hạn một tháng tại Ngân hàng VID Public – Chi nhánh Bình Dương giá trị là 13.000.000.000 đồng với lãi suất là từ 5,5% đến 6,3%.

**6.2 Các khoản phải thu khác**

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	-	148.744.450
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	8.543.956.655	8.839.052.821
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đà Nẵng	794.090.000	1.294.090.000
Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đà Nẵng	1.069.286.126	1.069.286.126
Phải thu tiền cổ tức được chia từ Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	21.115.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp	-	774.653.803
Công ty CP Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	-	390.130.439
Doanh nghiệp Xây dựng Thương mại Thọ Lộc	83.898.297	83.898.297
Công ty Xây lắp 394	47.134.792	47.134.792
Nhà máy SX lắp ráp và đóng mới ô tô Tralas	-	-
Tiền lương thu hộ chi hộ lao động và khác	-	965.932.618
Phải thu của người đi hợp tác lao động	-	1.622.587.679
Phải thu tiền ủy thác nhập khẩu	-	2.131.400.556
Trung tâm Thương mại Dịch vụ Đầu tư TRACIMEXCO-TI (TTT)	-	20.073.565
Bảo hiểm xã hội	-	1.849.801
Phải thu khác	2.076.425.469	1.909.364.585
<b>Tổng</b>	<b>33.729.791.339</b>	<b>19.298.199.532</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

6.3 Hàng tồn kho	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thành phẩm	-	759.098.651
Hàng hoá	-	493.866.366
Hàng gửi đi bán	69.809.534	69.809.534
<b>Tổng</b>	<b>69.809.534</b>	<b>1.322.774.551</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Tổng</b>	<b>69.809.534</b>	<b>1.322.774.551</b>
6.4 Chi phí trả trước ngắn hạn	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí vật tư và chi phí khác chờ phân bổ	-	1.250.913.008
Chi phí công cụ dụng cụ	97.765.649	178.500.196
Chi phí khác chờ phân bổ	-	4.800.000
<b>Tổng</b>	<b>97.765.649</b>	<b>1.434.213.204</b>
6.5 Thuế và các khoản phải thu nhà nước	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	-	1.903.963
Thuế Tiêu thụ đặc biệt nộp thừa	-	6.371.184
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	273.727.546	273.727.546
Các khoản phải thu khác	51.816.530	58.188.097
<b>Tổng</b>	<b>325.544.076</b>	<b>340.190.790</b>
6.6 Tài sản ngắn hạn khác	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	1.451.993.873	3.206.852.673
Cầm cố, ký quỹ ký cược ngắn hạn	35.140.195	35.138.299
Tài sản thiếu chờ xử lý bao gồm các khoản chênh lệch công nợ nội bộ với các chi nhánh và đơn vị trực thuộc	-	5.312.051.821
- Văn phòng Công ty	-	4.960.332.010
- XN Khai thác đá và Xây dựng Công trình Giao thông	-	351.719.811
<b>Tổng</b>	<b>1.487.134.068</b>	<b>8.554.042.793</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.7 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/03/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền cho Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Đà Nẵng vay	-	300.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (*)	83.009.117.727	83.009.117.727
<b>Tổng</b>	<b>83.009.117.727</b>	<b>83.309.117.727</b>

(\*) Đây là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (HRI) theo hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh Bất động sản nhà 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh ngày 16/12/2010 có nội dung như sau: Công ty hiện đang thực hiện nhận chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 82.569.000.000 đồng. Hai bên thống nhất cùng hợp tác kinh doanh bất động sản nhà 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh với nguyên tắc như sau: Hai bên cùng góp vốn để nhận chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư và kinh doanh có lãi.

Trách nhiệm của mỗi bên:

+ Trách nhiệm của Công ty (bên A):

- Thực hiện các thủ tục ủy quyền để Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (bên B) đứng tên trong hợp đồng nhận chuyển nhượng.
- Đóng tiền theo tỷ lệ góp vốn cam kết.
- Phối hợp cùng với bên B lập dự án đầu tư hoặc phương án chuyển nhượng bất động sản 56 Trần Quốc Tuấn, phường 1, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Trách nhiệm của Công ty phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (bên B):

- Ký hợp đồng nhận chuyển nhượng với chủ sở hữu bất động sản nêu trên theo giá mà bên B đã thỏa thuận trong hợp đồng nguyên tắc ngày 25 tháng 05 năm 2010.
- Đóng đầy đủ và đúng hạn số tiền theo tỷ lệ góp vốn cam kết.
- Lập phương án đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng bất động sản nêu trên để hai bên xem xét quyết định.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, Công ty đã thực hiện góp vốn với số tiền là 83.009.117.727 đồng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

Mẫu B 09-DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**6.8 Tài sản cố định hữu hình**

*Đơn vị: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	16.675.554.934	3.825.298.544	9.132.604.194	419.554.045	30.053.011.717
Tăng trong kỳ	-	12.352.362.434	-	-	12.352.362.434
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	12.352.362.434	-	-	12.352.362.434
<b>Giảm trong kỳ</b>					
Thanh lý nhượng bán	2.049.989.535	1.246.600.362	3.506.208.169	388.349.772	7.191.147.838
Giảm khác (*)	-	-	658.737.055	-	658.737.055
	2.049.989.535	1.246.600.362	2.847.471.114	388.349.772	6.532.410.783
<b>Số dư tại 31/03/2014</b>	<b>14.625.565.399</b>	<b>14.931.060.616</b>	<b>5.626.396.025</b>	<b>31.204.273</b>	<b>35.214.226.313</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2014	3.269.622.894	677.289.219	4.883.723.118	377.504.981	9.208.140.212
Tăng trong kỳ	194.616.747	-	124.730.858	2.600.355	321.947.960
Khấu hao trong kỳ	194.616.747	-	124.730.858	2.600.355	321.947.960
<b>Giảm trong kỳ</b>					
Thanh lý, nhượng bán	2.389.868.268	140.164.178	2.847.373.657	350.075.430	5.727.481.533
Giảm khác (*)	-	-	658.737.055	-	658.737.055
	2.389.868.268	140.164.178	2.188.636.602	350.075.430	5.068.744.478
<b>Số dư tại 31/03/2014</b>	<b>1.074.371.373</b>	<b>537.125.041</b>	<b>2.161.080.319</b>	<b>30.029.906</b>	<b>3.802.606.639</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2014	13.405.932.040	3.148.009.325	4.248.881.076	42.049.064	20.844.871.505
Tại 31/03/2014	13.551.194.026	14.393.935.575	3.465.315.706	1.174.367	31.411.619.674

(\*): Tài sản cố định giảm khác trong kỳ là do tại ngày 31/03/2014, Chi nhánh Công ty Tracimexco tại Hà Nội tách riêng thành lập một pháp nhân độc lập, không còn trực thuộc Công ty, theo đó, các tài sản cố định của Chi nhánh Tracimexco Hà Nội cũng được tách riêng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 37.500.000 đồng.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.9 Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	14.639.002.049	35.200.000	14.674.202.049
Số dư tại 31/03/2014	<u>14.639.002.049</u>	<u>35.200.000</u>	<u>14.674.202.049</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2014	-	35.200.000	35.200.000
Số dư tại 31/03/2014	<u>-</u>	<u>35.200.000</u>	<u>35.200.000</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2014	14.639.002.049	-	14.639.002.049
Tại 31/03/2014	<u>14.639.002.049</u>	<u>-</u>	<u>14.639.002.049</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 35.200.000 đồng.

**6.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi phí dự án Bất động sản tại phường An Thới, thành phố Cần Thơ	27.433.950.465	27.433.950.465
Chi phí khác tại XN Khai thác đá và Xây dựng Công trình Giao thông	-	12.623.991.943
<b>Tổng</b>	<u>27.433.950.465</u>	<u>40.057.942.408</u>

**6.11 Đầu tư vào công ty liên kết**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	61.008.000.000	61.008.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong	5.800.000.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	18.557.650.000	18.557.650.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	4.083.980.000	3.403.327.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	2.939.300.000	-
<b>Tổng</b>	<u>92.388.930.000</u>	<u>88.768.977.000</u>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**Thông tin đối tượng đầu tư**

Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/03/2014)	Giá trị góp vốn theo sổ sách (01/01/2014)
1	Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	302.912.000.000	61.008.000.000	25,00%	61.008.000.000	61.008.000.000
2	Công ty Cổ phần Thương Mại Ô tô Nam Phong	20.000.000.000	5.800.000.000	29,00%	5.800.000.000	5.800.000.000
3	Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	43.535.000.000	18.557.650.000	42,63%	18.557.650.000	18.557.650.000
4	Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	14.753.170.000	3.403.327.000	17,80%	4.083.980.000	3.403.327.000
5	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	6.500.000.000	2.939.300.000	45,22%	2.939.300.000	-
<b>Tổng</b>					<b>92.388.930.000</b>	<b>88.768.977.000</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư**

Đối tượng góp vốn	3/31/2014		1/1/2014	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất Ô tô Ngôi Sao	-	61.008.000.000	-	61.008.000.000
Công ty Cổ phần Thương Mại Ô tô Nam Phong	580.000	5.800.000.000	580.000	5.800.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	1.855.765	18.557.650.000	1.855.765	18.557.650.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	408.398	4.083.980.000	408.398	3.403.327.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco (*)	293.930	2.939.300.000	-	-
<b>Tổng</b>	<b>3.138.093</b>	<b>92.388.930.000</b>	<b>2.844.163</b>	<b>88.768.977.000</b>

(\*) Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 20 tháng 01 năm 2014 giữa bên chuyển nhượng là Công ty TNHH Một Thành viên Xuất nhập khẩu và Hợp tác Đầu tư Giao thông Vận tải và bên nhận chuyển nhượng là ông Lê Anh Tuấn - Cổ đông sáng lập của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn Nhân lực Tracimexco với số lượng cổ phần là 37.580 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần, số tiền tương ứng là 375.800.000 đồng. Giá trị đầu tư còn lại của Công ty chiếm 45,22% vốn điều lệ và được Công ty phân loại từ khoản đầu tư Công ty con sang đầu tư công ty liên kết.

**6.12 Đầu tư dài hạn khác**

	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND
Liên doanh sản xuất thiếc (*)	-	413.565.080
Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài	3.270.900.000	3.270.900.000
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	9.180.000.000	9.180.000.000
<b>Tổng</b>	<b>12.450.900.000</b>	<b>12.864.465.080</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

(\*) Đây là khoản xử lý tài chính của Công ty theo biên bản của Hội đồng xử lý tháng 12 năm 2013 do không có căn cứ để tiến hành đối chiếu và cập nhật tình hình hoạt động liên kết này và không tìm thấy hồ sơ hợp đồng liên doanh liên kết với đối tác, không có bất cứ tài liệu nào phản ánh hoạt động đầu tư này do đó không chứng minh được số liệu ghi nhận trên báo cáo tài chính.

**Thông tin đối tượng đầu tư**

Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị góp vốn tính theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn theo sổ sách (31/03/2014)	Giá trị góp vốn theo sổ sách (01/01/2014)
1	Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài	32.709.000.000	3.270.900.000	10,00%	3.270.900.000	3.270.900.000
2	Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	54.000.000.000	9.180.000.000	17,00%	9.180.000.000	9.180.000.000
3	Liên doanh sản xuất thiếc	-	413.565.080	-	-	413.565.080
	<b>Tổng</b>	<b>86.709.000.000</b>	<b>12.864.465.080</b>		<b>12.450.900.000</b>	<b>12.864.465.080</b>

**Chi tiết các khoản đầu tư**

Tên đối tượng	31/03/2014		01/01/2014	
	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng Cổ phiếu	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Ô tô Giang Hoài	327.090	3.270.900.000	327.090	3.270.900.000
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	918.000	9.180.000.000	918.000	9.180.000.000
Liên doanh sản xuất thiếc	-	-	-	413.565.080
<b>Tổng</b>	<b>1.245.090</b>	<b>12.450.900.000</b>	<b>1.245.090</b>	<b>12.864.465.080</b>

**6.13 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco (1)	-	6.969.933.920
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam (1)	-	2.415.062.024
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong (1)	-	2.131.355.305
Công ty Cổ phần Thương mại Sản Xuất và Dịch vụ Tổng hợp (2)	-	1.387.119.689
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>12.903.470.938</b>

- (1) Công ty đã hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn để thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp và cổ phần hóa.
- (2) Công ty thực hiện thoái vốn đầu tư theo Nghị quyết Hội đồng Thành viên ngày 13 tháng 06 năm 2012 về việc đồng ý thoái vốn 100% vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Tổng hợp. Ngày 26 tháng 03 năm 2014 sau khi thực hiện thoái vốn, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn này đã trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.14 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện đang chờ phân bổ	443.098.528	590.798.038
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	49.997.227	1.635.653.359
<b>Tổng</b>	<b>493.095.755</b>	<b>2.226.451.397</b>

**6.15 Tài sản dài hạn khác**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Ký quỹ ký cược dài hạn	1.000.000.000	1.201.800.385
<b>Tổng</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.201.800.385</b>

**6.16 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>Vay tổ chức tín dụng</b>	<b>21.542.652.429</b>	<b>21.668.737.255</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	11.884.983.827	11.886.633.827
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch	687.279.281	687.279.281
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	7.836.389.321	7.836.389.321
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.134.000.000	1.258.434.826
<b>Vay tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.067.333.058</b>	<b>2.253.333.058</b>
Công ty Cổ phần Tracimexco Tín Phát	372.457.592	272.457.592
Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	-	300.000.000
Nguyễn Thị Bùi	176.465.250	176.465.250
Vũ Anh Long	3.478.500	3.478.500
Phạm Thanh Châu	3.223.500	3.223.500
Nguyễn Văn Đồng	3.000.000	3.000.000
Trần Hoàng Dung	348.000.000	334.000.000
Bùi Quang Sáng	1.160.708.216	1.160.708.216
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>278.761.625</b>
<b>Tổng</b>	<b>23.609.985.487</b>	<b>24.200.831.938</b>

**6.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	27.981.940	43.390.060
Thuế thu nhập cá nhân	40.812.066	44.937.130
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	2.211.704.269	2.043.379.611
<b>Tổng</b>	<b>2.280.498.275</b>	<b>2.131.706.801</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

6.18 Chi phí phải trả	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước chi phí lãi vay tại Chi nhánh Nha Trang	708.387.982	708.387.982
Chi phí phải trả khác	-	1.443.626.446
<b>Tổng</b>	<b>708.387.982</b>	<b>2.152.014.428</b>
6.19 Các khoản phải trả, nộp khác	31/03/2014 VND	01/01/2014 VND
Kinh phí công đoàn	9.254.280	66.128.152
Bảo hiểm xã hội	4.409.654	131.019.047
Bảo hiểm y tế	-	52.821.404
Phải trả cho Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	1.309.416.450	1.309.416.450
Phải trả tiền lãi vay cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	25.538.520.849	-
Phải trả tiền lãi vay cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	19.421.366.374	-
Phải trả tiền lãi vay và tiền phạt chậm nộp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	18.614.876.075	-
Phải trả tiền góp vốn thực hiện dự án Khu dân cư An Thới, Tp. Cần Thơ cho Công ty Sasco	30.040.240.000	30.040.240.000
Doanh nghiệp Tư nhân Tuấn Kiều	458.824.989	458.824.989
Công ty TNHH Việt Thắng Thắng	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	-	307.682.898
Công ty Cổ phần Trung Phát	-	70.000.000
Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh nhà Nha Trang	-	44.000.000
Công ty TNHH Đài Bắc	-	132.000.000
Công ty TNHH Việt Hải	-	20.050.000
Chi nhánh Tracimexco Đồng Nai	-	70.000.000
Nguyễn Thị Duyên	-	30.000.000
Nguyễn Thị Thu Thảo	-	100.000.000
Nguyễn Thuần Anh	-	36.200.000
Đặng Thị Bích Hạnh	-	50.000.000
Medision Xray	25.828.001	25.828.001
Phải trả tiền nhận ký quỹ của người lao động đi nước ngoài	661.528.223	661.528.223
Phải trả tiền thu chi hộ của người lao động	2.396.207.391	3.762.282.642
Phải trả thuế NK truy thu lô hàng ô tô nhập khẩu 07 xe N2005 và 27 xe N2004	4.817.514.004	4.817.514.004
Bảo hiểm thất nghiệp	302.170	508.174
Phải trả khác	12.138.399.377	1.458.668.945
<b>Tổng</b>	<b>115.636.687.837</b>	<b>43.844.712.929</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.20 Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/03/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ ký cược của tu nghiệp sinh và người lao động đi nước ngoài	15.538.553.760	18.510.708.442
Phải trả tiền lãi vay cho các tu nghiệp sinh	157.151.408	157.151.408
<b>Tổng</b>	<b>15.695.705.168</b>	<b>18.667.859.850</b>

**6.21 Vay và nợ dài hạn**

	<b>31/03/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>20.261.955.102</b>	<b>13.581.831.504</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	20.261.955.102	13.581.831.504
<b>Vay các đối tượng khác</b>	<b>178.883.566</b>	<b>371.689.024</b>
- Cảng vụ Vũng Tàu	150.000.000	150.000.000
- Choang Tiến Mạnh	23.633.566	23.633.566
- Phạm Gia Toàn	5.250.000	5.250.000
- Ngô Thị Bích Hằng	-	105.180.000
- Phạm Tuấn Anh	-	42.072.000
- Nguyễn Hồng Cường	-	14.725.200
- Nguyễn Phương Lan	-	10.518.000
- Nguyễn Hùng Sơn	-	10.518.000
- Vũ Thị Liên	-	6.310.800
- Đinh Công Thọ	-	3.481.458
<b>Tổng</b>	<b>20.440.838.668</b>	<b>13.953.520.528</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6.22 **Vốn chủ sở hữu**

	Số dư đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Quý hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	Đơn vị tính: VND	
									Tổng	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	159.486.299.552	826.456.270	6.565.979.570	16.038.842.719	(113.961.479)	(22.106.554.882)	4.969.057.178	68.466.103.706	234.132.222.634	
Tăng trong năm	-	-	-	-	113.961.479	16.038.842.719	-	-	16.152.804.198	
Tăng khác	-	-	-	-	113.961.479	16.038.842.719	-	-	16.152.804.198	
Giảm trong năm	-	826.456.270	-	16.038.842.719	-	15.089.068.928	-	16.135.963	31.970.503.880	
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	15.088.068.928	-	-	15.088.068.928	
Chi trợ cấp thời việc	-	-	-	-	-	-	-	16.135.963	16.135.963	
Giảm khác	-	826.456.270	-	16.038.842.719	-	1.000.000	-	-	16.866.298.989	
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>159.486.299.552</b>	<b>-</b>	<b>6.565.979.570</b>	<b>-</b>	<b>(21.156.781.091)</b>	<b>(21.156.781.091)</b>	<b>4.969.057.178</b>	<b>68.449.967.743</b>	<b>218.314.522.952</b>	
Số dư tại 01/01/2014	159.486.299.552	-	6.565.979.570	-	(21.156.781.091)	(21.156.781.091)	4.969.057.178	68.449.967.743	218.314.522.952	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	1.819.179.899	-	-	1.819.179.899	
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.819.179.899	-	-	1.819.179.899	
Giảm trong kỳ	-	-	175.823.041	-	-	62.762.450.089	290.810.190	-	63.229.083.320	
Lỗi trong kỳ	-	-	-	-	-	62.762.450.089	-	-	62.762.450.089	
Giảm khác	-	-	175.823.041	-	-	-	290.810.190	-	466.633.231	
<b>Số dư tại 31/03/2014</b>	<b>159.486.299.552</b>	<b>-</b>	<b>6.390.156.529</b>	<b>-</b>	<b>(82.100.051.281)</b>	<b>(82.100.051.281)</b>	<b>4.678.246.988</b>	<b>68.449.967.743</b>	<b>156.904.619.531</b>	

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.23 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Doanh thu bán hàng hóa	-	535.454.545
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.391.589.129	1.589.647.326
<b>Tổng</b>	<b>2.391.589.129</b>	<b>2.125.101.871</b>

**6.24 Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	700.394.925
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	2.060.847.605	953.165.924
<b>Tổng</b>	<b>2.060.847.605</b>	<b>1.653.560.849</b>

**6.25 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	358.188.922	232.718.498
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.507.183.370	-
<b>Tổng</b>	<b>21.865.372.292</b>	<b>232.718.498</b>

**6.26 Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Chi phí lãi vay	54.936.695.408	3.690.000
Chi phí hoạt động tài chính khác	-	12.740.481
<b>Tổng</b>	<b>54.936.695.408</b>	<b>16.430.481</b>

**6.27 Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	113.101.816
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>113.101.816</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.546.422.618	1.925.714.478
Chi phí vật liệu quản lý	15.049.750	11.592.099
Chi phí đồ dùng văn phòng	64.511.855	10.491.387
Chi phí khấu hao TSCĐ	236.970.654	271.286.978
Thuế, phí và lệ phí		8.727.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.108.248	546.413.537
Chi phí bằng tiền khác	917.725.409	931.210.701
<b>Tổng</b>	<b>3.119.788.534</b>	<b>3.705.437.029</b>

**6.29 Lợi nhuận khác**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Xử lý công nợ lâu năm	4.547.256.709	-
Thu nhập khác	323.888.390	20.093.250
<b>Tổng</b>	<b>4.871.145.099</b>	<b>20.093.250</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Chi phí khấu hao xe vượt định mức	17.887.500	17.887.500
Tiền phạt chậm nộp trả nợ vay và lãi vay	7.655.813.214	-
Xử lý số dư nợ và các khoản mục tài sản khác lâu năm	24.099.524.348	-
Các chi phí khác	-	3.107.029
<b>Tổng</b>	<b>31.773.225.062</b>	<b>20.994.529</b>
<b>Lỗ khác</b>	<b>(26.902.079.963)</b>	<b>(901.279)</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**6.30 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 31/03/2013 VND
<b>Lợi nhuận kế toán</b>	<b>(62.762.450.089)</b>	<b>(3.131.611.085)</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>24.118.251.700</b>	<b>17.887.500</b>
- Chi phí khấu hao vượt mức	17.887.500	17.887.500
- Xử lý số dư công nợ không có hồ sơ, chứng từ đầy đủ	24.099.524.348	-
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	839.852	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>21.477.183.370</b>	<b>-</b>
- Cổ tức	21.477.183.370	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(60.121.381.759)</b>	<b>(3.113.723.585)</b>
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	25%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.31 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2014 đến 31/03/2014 VND
Hàng tồn kho đầu năm	1.322.774.551
Hàng tồn kho mua trong năm	2.111.921.539
Hàng tồn kho cuối năm	(69.809.534)
Chi phí nhân công	1.546.422.618
Chi phí khấu hao tài sản cố định	321.947.960
Chi phí khác	31.720.604.067
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>36.953.861.201</b>
<b>Đối chiếu</b>	
Giá vốn hàng bán	2.060.847.605
Chi phí bán hàng	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.119.788.534
Chi phí khác	31.773.225.062
<b>Chi phí sản xuất kinh doanh theo chức năng</b>	<b>36.953.861.201</b>



**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Từ 01/01/2014  
đến 31/03/2014

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất</u>	<u>VND</u>
Thu nhập Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc	Lương và phụ cấp	302.287.383

Giao dịch với các bên liên quan

Từ 01/01/2014  
đến 31/03/2014

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>VND</u>
<b><u>Giao dịch bán hàng</u></b>			
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty liên kết	Thực hiện dịch vụ xuất khẩu lao động	2.337.043.675
		Thu tiền lãi cho vay	41.249.999
		Tiền thuê nhà và tiền điện	74.580.334
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Thu tiền lãi cho vay	87.903.834
<b>Tổng</b>			<b>2.540.777.842</b>

Từ 01/01/2014  
đến 31/03/2014

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>VND</u>
<b><u>Ứng trước cho người bán</u></b>			
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Ứng trước cho người bán	50.000.000
<b>Tổng</b>			<b>50.000.000</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/03/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
<b><u>Phải thu khách hàng</u></b>				
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	Đầu tư dài hạn khác	Phải thu khác hàng	19.510.096.563	20.043.037.768
Công ty Cổ phần Thương mại Ô tô Nam Phong	Công ty liên kết	Phải thu khác hàng	35.200.000	35.200.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	Công ty liên kết	Phải thu khác hàng	846.710.793	846.710.793
<b>Tổng</b>			<b>20.392.007.356</b>	<b>20.924.948.561</b>
<b><u>Ứng trước cho người bán</u></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty liên kết	Ứng trước cho người bán	114.029.125	114.029.125
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Ứng trước cho người bán	2.150.000.000	2.100.000.000
<b>Tổng</b>			<b>2.264.029.125</b>	<b>2.214.029.125</b>
<b><u>Phải thu khác</u></b>				
Công ty Cổ phần Vận tải biển và Dịch vụ Hàng Hải	Công ty liên kết	Phải thu khác	794.090.000	1.294.090.000
Công ty Cổ phần Thương mại Sản Xuất và Dịch vụ Tổng hợp	Công ty con (thoái vốn từ ngày 26/03/2014)	Phải thu khác	-	774.653.803
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty liên kết	Phải thu khác	-	390.130.439
Công ty Cổ phần Sản xuất và Chế tạo Ô tô Tracimexco	Công ty liên kết	Phải thu khác	9.626.956.655	8.839.052.821
<b>Tổng</b>			<b>10.421.046.655</b>	<b>11.297.927.063</b>
<b><u>Người mua trả tiền trước</u></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty liên kết	Người mua trả tiền trước	9.768.853	91.807.222
<b>Tổng</b>			<b>9.768.853</b>	<b>91.807.222</b>
<b><u>Phải trả khác</u></b>				
Công ty Cổ phần Ô tô Jac Việt Nam	Đầu tư dài hạn khác	Phải trả khác	1.309.416.450	1.309.416.450
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty liên kết	Phải trả khác	546.165.374	307.682.898
<b>Tổng</b>			<b>1.855.581.824</b>	<b>1.617.099.348</b>
<b><u>Vay</u></b>				
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư và Phát triển Nguồn nhân lực Tracimexco	Công ty liên kết	Vay tiền	300.000.000	300.000.000
<b>Tổng</b>			<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**7.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (các khoản vay tại Thuyết minh số 6.16 và 6.21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/03/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay	44.050.824.155	38.154.352.466
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.689.631	19.849.679.227
Nợ thuần	23.713.134.524	18.304.673.239
Vốn chủ sở hữu	156.904.619.531	218.314.522.952
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<b>15,11%</b>	<b>8,38%</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/03/2014</b>	<b>01/01/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.689.631	19.849.679.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	145.970.805.802	132.938.851.127
Tài sản tài chính khác	1.035.140.195	1.236.938.684
<b>Tổng</b>	<b>167.343.635.628</b>	<b>154.025.469.038</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay (ngắn + dài hạn)	44.050.824.155	38.154.352.466
Phải trả người bán (ngắn + dài hạn)	25.601.589.578	25.934.133.317
Phải trả khác (ngắn + dài hạn)	131.332.393.005	62.512.572.779
Chi phí phải trả	708.387.982	2.152.014.428
<b>Tổng</b>	<b>201.693.194.720</b>	<b>128.753.072.990</b>

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này do chính sách tài chính và chính sách thuế của Nhà nước chưa rõ ràng và sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Khoản mục	Công nợ		Tài sản	
	31/03/2014	01/01/2014	31/03/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	84.969.549.594	41.049.519.789	24.155.306.819	25.186.881.320
Baht Thái Lan (THB)	38.876.831.177	13.581.831.504	-	-
Yên Nhật (JPY)	-	-	19.633.447	18.478.963
<b>Tổng</b>	<b>123.846.380.771</b>	<b>54.631.351.293</b>	<b>24.174.940.266</b>	<b>25.205.360.283</b>

Nếu tỷ giá tăng/giảm 10% thì hoạt động của Công ty cũng sẽ giảm/tăng 9.967.144.051 đồng.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

*Rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/03/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	141.238.277.415	15.695.705.168	156.933.982.583
Các khoản phải trả	708.387.982	-	708.387.982
Các khoản vay	23.609.985.487	20.440.838.668	44.050.824.155
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	69.778.846.246	18.667.859.850	88.446.706.096
Các khoản phải trả	2.152.014.428	-	2.152.014.428
Các khoản vay	24.200.831.938	13.953.520.528	38.154.352.466

Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại 31/03/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.337.689.631	-	20.337.689.631
Phải thu khách hàng và phải thu khác	62.961.688.075	83.009.117.727	145.970.805.802
Tài sản tài chính khác	35.140.195	1.000.000.000	1.035.140.195
<b>Tại 01/01/2014</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.849.679.227	-	19.849.679.227
Phải thu khách hàng và phải thu khác	49.629.733.400	83.309.117.727	132.938.851.127
Tài sản tài chính khác	35.138.299	1.201.800.385	1.236.938.684

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU  
VÀ HỢP TÁC ĐẦU TƯ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 31 tháng 03 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**



**7.3 Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 03 năm 2013 của Công ty chưa được kiểm toán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 5 năm 2014

**Người lập**

**Lê Quang Tuấn**

**Kế toán trưởng**

**Vũ Hoàng Tùng**

**Tổng Giám đốc**



**Bùi Như Lạc**

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: 0 0 6 3 1 2

Quyển số: 0 0 SCT/BS

Ngày: 22-12-2015

**CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 4**



*Trần Hữu Chiến*